

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 02 năm 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nhiều; bà Vương Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lù Thị C, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn M, xã S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; số căn cước công dân xxxxxx, cấp ngày xxxxx. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hồ A H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn M, xã S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Lô Lô; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; số căn cước công dân xxxxxx, cấp ngày xxxxx. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lù Thị C trình bày: Chị và anh Hồ A H kết hôn với nhau ngày 01/3/2016, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, tỉnh H (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau; anh H gây gỗ chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị. Đầu năm 2023 anh H đi chơi về đã chửi bới, đấm đánh chị, chị đã bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Hồ Ngọc T, sinh ngày 20/11/2015, cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/9/2017 và cháu Hồ Hải Đ, sinh ngày 20/01/2020. Từ khi ly thân các cháu ở cùng với anh H, bản thân chị không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Ly hôn đề nghị giao 03 con chung cho anh Hồ A H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản, công nợ chung, riêng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2025 bị đơn anh Hồ A H trình bày: Anh và chị Lù Thị C tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau có Đ ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, tỉnh H (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến tháng 01 năm 2024 vợ chồng xảy ra xích mích, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Sau đó vợ chồng sống ly thân, anh có gọi điện để hỏi han nhưng không liên lạc được với chị C. Quan điểm, anh không nhất trí ly hôn với chị C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng 03 con chung là cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/11/2015, cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/9/2017 và cháu Hồ Hải Đ sinh ngày 20/01/2020. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung đến khi các cháu trưởng thành, chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản, công nợ chung, riêng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lù Thị C giữ nguyên quan điểm, kiên quyết đề nghị được ly hôn với anh Hồ A H, về con chung chị nhất trí giao 03 con chung là các cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/11/2015, cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/9/2017 và cháu Hồ Hải Đ sinh ngày 20/01/2020 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị C nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi với phương thức định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh H không nhất trí ly hôn, mong muốn chị C về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con, trường hợp ly hôn anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, đề nghị chị C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang: Về tuân thủ pháp luật tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 1, Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lù Thị C, chị Lù Thị C được ly hôn với anh Hồ A H.

Về con chung: Giao các cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/11/2015, cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/9/2017 và cháu Hồ Hải Đ, sinh ngày 20/01/2020 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi với phương thức định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Chị C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí. Đề nghị miễn án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lù Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Hồ A H cư trú tại thôn Thôn M, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị C và anh Hồ A H kết hôn với nhau ngày 01/3/2016, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, tỉnh H (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang), quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình xác minh thấy rằng chị C và anh H chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, bị đơn anh H cũng xác nhận anh chị chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được chị C đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, anh H không nhất trí ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C. Xử cho chị Lù Thị C ly hôn anh Hồ A H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh H có 03 con chung là cháu Hồ Ngọc T, sinh ngày 20/11/2015, cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/9/2017 và cháu Hồ Hải Đ, sinh ngày 20/01/2020. Ly hôn chị C, anh H đề nghị giao 03 cháu cho anh H người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H đề nghị chị C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng, chị C nhất trí quan điểm anh H về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy quan điểm, đề nghị về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị C, anh H và xem xét nguyện vọng của cháu Hồ Ngọc T và cháu Hồ Ngọc T là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao các cháu Hồ Ngọc T, Hồ Ngọc T, Hồ Hải Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung, mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng: Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H là người nhận khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung, riêng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí. điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lù Thị C.

Xử cho chị Lù Thị C được ly hôn anh Hồ A H.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/11/2015, cháu Hồ Ngọc T sinh ngày 20/9/2017 và cháu Hồ Hải Đ sinh ngày 20/01/2020 cho anh Hồ A H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Lù

Thị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung, mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng: Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H là người nhận khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lù Thị C.

Trả lại cho chị Lù Thị C số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Tuyên Quang theo biên lai số 0001069 ngày 29/10/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã S, T. Tuyên Quang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tiến Dũng

Phạm Hồng Việt

Hoàng Thị Vân